

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: cụ Hồ Văn X, sinh năm 1939

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Long Sơn, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Lo Co B, xã An Trường A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. cụ Nguyễn Thị P, sinh năm 1947

2. bà Hồ Thị H, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. bà Hồ Thị M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. bà Hồ Thị C, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. bà Hồ Thị N, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. bà Hồ Thị Í, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. bà Hồ Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ P, bà N, bà H: bà Hồ Thị M, sinh năm 1978, Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2024 và ngày 06/02/2024).

8. bà Trần Thị Bé T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Long Sơn, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: ấp Lo Co B, xã An Trường A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

9. ông Hồ Văn B, sinh năm 1973

10. Bà Lê Thị Bé S, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Cụ Hồ Văn X, bà Hồ Thị M làm đại diện theo ủy quyền của cụ P với ông Hồ Văn Đ, bà Trần Thị Bé T1, ông Hồ Văn B và các bà Lê Thị Bé S bà Hồ Thị M, Hồ Thị C, Hồ Thị Í, Hồ Thị T tự nguyện thoả thuận như sau:

- Ông Hồ Văn Đ và bà Trần Thị Bé T1 được quyền sử dụng thửa đất số 3157, tờ bản đồ số 31, diện tích đất 2466m²(hiện trạng đo đạc là 2666,5m²), loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở, cây trồng,... . Hiện thửa đất số 3157 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do ông Đ và bà Bé T1 đang quản lý, sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 1698 có số đo đoạn 14,55m, đoạn 18,42m, đoạn 51,58m.

+ Hướng Tây giáp rạch đoạn có số đo 13,80m, giáp thửa 1698 đoạn có số đo 56,51m.

+ Hướng Nam giáp thửa 1698 có số đo 12,15m.

+ Hướng Bắc giáp phần A(thửa 3158) có số đo đoạn 6,90m, đoạn 9,18m, đoạn 9,23m, đoạn 28,62m, đoạn 18,98m; giáp rạch có số đo 16,52m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C).

Để đảm bảo đến khi án có hiệu lực pháp luật và thi hành án nghiêm cấm các bên làm thay đổi hiện trạng, mục đích sử dụng đất hoặc hủy hoại đất cùng tài sản trên đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Cụ Hồ Văn X, cụ Nguyễn Thị P với ông Hồ Văn Đ, bà Trần Thị Bé T1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh cập nhật biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho theo Quyết định của Tòa án.

- Ông Hồ Văn Đ và bà Trần Thị Bé T1 tự nguyện giao trả cho cụ Hồ Văn X, cụ Nguyễn Thị P giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 3157, tờ bản đồ số 31, diện tích đất 2466m²(hiện trạng đo đạc là 2666,5m²) là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Thời gian giao trả tiền: Cụ X, bà M làm đại diện theo ủy quyền của cụ P với ông Đ, bà Bé T1 tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Cụ X và bà M làm đại diện theo ủy quyền của cụ P tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ số tiền là 3.551.000 đồng (Ba triệu, năm trăm, năm mươi một nghìn) nhưng được khấu trừ vào 3.551.000 đồng (Ba triệu, năm trăm, năm mươi một nghìn) tiền tạm ứng chi phí thẩm định do bà Hồ Thị M nộp ngày 04/4/2024. Cụ X và cụ P đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ X và bà M làm đại diện theo ủy quyền của cụ P tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tuy nhiên, cụ X, cụ P là người cao tuổi (cụ X 85 tuổi, cụ P 77 tuổi) có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận cho cụ X, cụ P miễn nộp phần tiền án phí phải chịu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Cụ X, cụ P còn phải nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) phần tiền án phí dân sự sơ thẩm chịu thay cho ông Đ, bà Bé T1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang